

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Ngọc Đình

2. Ông Nguyễn Hùng Quốc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Tòng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 209/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Vũ Ngọc D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Lê Văn H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Vũ Ngọc D trình bày:*

Bà và ông Lê Văn H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/10/2013.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng vẫn

còn chung sống với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Lê Văn H.

Về nuôi con chung: Bà và ông H có với nhau 02 người con chung tên Lê Song T sinh ngày 11/09/2014 và Lê Bá T1 sinh ngày 12/6/2019, hiện hai con chung đang sống cùng cha, mẹ. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết không có nợ chung.

*Ông Lê Văn H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.*

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, xét:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D đã 02 lần nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án vào năm 2023, nay bà D cương quyết muốn ly hôn, ông H biết rõ yêu cầu ly hôn của bà D nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thể hiện việc ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ đó cho thấy hôn nhân giữa bà D và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: Bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, cũng như nguyện vọng của con chung tên Lê Song T mong muốn được sống cùng với mẹ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung nên không xem xét theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Vũ Ngọc D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của bà D, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà đã nộp đơn ly hôn 02 lần vào năm 2023 nhưng vì thương con và cho vợ chồng cơ hội để hàn gắn nên bà đã rút đơn nhưng nay tình cảm vợ chồng không còn vì vậy bà yêu cầu ly hôn. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà D, thể hiện việc ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H không còn sự tự nguyện, bà D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[3] Về nuôi con chung: Bà D và ông H có với nhau hai người con chung tên Lê Song T sinh ngày 11/09/2014 và Lê Bá T1 sinh ngày 12/6/2019.

Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như nguyện vọng của con chung tên Lê Song T mong muốn được sống cùng với mẹ nên cần giao hai con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Vũ Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Vũ Ngọc D và ông Lê Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Lê Song T sinh ngày 11/09/2014 và Lê Bá T1 sinh ngày 12/6/2019, cho bà Lê Vũ Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Lê Văn H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Vũ Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009009 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh Đ;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Ái Duy**